

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 12C1 NĂM HỌC 2025-2026
GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM: NGÔ THẾ THANH

STT	Họ và tên	Mã học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp năm học trước	Ghi chú
1	Bùi Trung Anh	51200784	16/8/2008	Nam	Kinh	11B1	
2	Trần Lê Nhật Anh	51200782	31/5/2008	Nam	Kinh	11B1	
3	Trần Ngọc Tuấn Anh	51200783	06/4/2008	Nam	Kinh	11B1	
4	Hà Lê Gia Bảo	51200785	16/6/2008	Nam	Kinh	11B1	
5	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	51200786	12/6/2008	Nữ	Kinh	11B1	
6	Võ Hoàng Danh	51200787	06/11/2008	Nam	Kinh	11B1	
7	Tôn Long Định	51200788	22/12/2008	Nam	Kinh	11B1	
8	Phạm Văn Hậu	51200789	04/8/2008	Nữ	Kinh	11B1	
9	Đặng Thị Diệu Huyền	51200790	26/3/2008	Nữ	Kinh	11B1	
10	Đinh Thanh Hưng	51200793	17/12/2008	Nam	Hrê	11B1	
11	Phan Bá Hưng	51200791	19/4/2008	Nam	Kinh	11B1	
12	Phan Ngô Gia Hưng	51200792	23/01/2008	Nam	Kinh	11B1	
13	Nguyễn Thị Lan Hương	51200795	15/9/2008	Nữ	Kinh	11B1	
14	Trần Bùi Kiên	51200796	09/8/2008	Nam	Kinh	11B1	
15	Nguyễn Phan Ánh Kiều	51200797	30/12/2008	Nữ	Kinh	11B1	
16	Trần Nguyễn Thảo My	51200798	29/11/2008	Nữ	Kinh	11B1	
17	Lê Nhật Nam	51200799	23/4/2008	Nam	Kinh	11B1	
18	Đỗ Trọng Nghĩa	51200801	08/01/2008	Nam	Kinh	11B1	
19	Hồ Hoàng Nghĩa	51200800	18/9/2008	Nam	Kinh	11B1	
20	Phạm Bá Nguyên	51200802	12/3/2008	Nam	Kinh	11B1	
21	Trần Nguyễn Trung Nguyên	51200803	11/12/2008	Nam	Kinh	11B1	
22	Trần Bảo Nhật	51200804	02/6/2008	Nam	Kinh	11B1	
23	Lê Uyên Nhi	51200806	08/9/2008	Nữ	Kinh	11B1	
24	Phan Nguyễn Yến Nhi	51200805	26/3/2008	Nữ	Kinh	11B1	
25	Huỳnh Văn Niệm	51200807	02/6/2007	Nam	Kinh	11B1	
26	Trần Văn Phát	51200808	20/11/2008	Nam	Kinh	11B1	
27	Lê Văn Quyền	51200809	08/10/2008	Nam	Kinh	11B1	
28	Lê Xuân Thành	51200810	09/10/2008	Nam	Kinh	11B1	
29	Nguyễn Phạm Thành Thiện	51200811	06/02/2008	Nam	Kinh	11B1	
30	Nguyễn Thị Quỳnh Thơ	51200812	22/02/2008	Nữ	Kinh	11B1	
31	Nguyễn Thuận	51200813	03/12/2008	Nam	Kinh	11B1	
32	Lưu Khắc Triệu	51200815	23/11/2008	Nam	Kinh	11B1	
33	Phạm Gia Trí	51200814	01/01/2008	Nam	Kinh	11B1	
34	Trần Hữu Anh Tuấn	51200816	20/5/2008	Nam	Kinh	11B1	
35	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	51200818	06/7/2008	Nữ	Kinh	11B1	
36	Trần Thị Thanh Tuyền	51200819	19/10/2008	Nữ	Kinh	11B1	
37	Nguyễn Thanh Tùng	51200817	20/6/2008	Nam	Kinh	11B1	
38	Trần Thị Thúy Viên	51200821	03/10/2008	Nữ	Kinh	11B1	
39	Trần Chí Vĩ	51200820	20/6/2008	Nam	Kinh	11B1	
40	Lưu Võ Anh Vũ	51200822	07/5/2008	Nam	Kinh	11B1	

CHƯƠNG TRÌNH HỌC

01. Môn học bắt buộc

- Toán (KNTT)
- Ngữ văn (KNTT)
- Tiếng Anh (Global Success)
- Lịch sử (KNTT)
- Giáo dục Quốc phòng An Ninh (KNTT)
- Hoạt động Trải nghiệm, Hướng nghiệp (KNTT)
- GDTC: Bóng chuyền 12 (KNTT)
- Giáo dục Địa Phương (file pdf) - Không mua

* Giải thích: KNTT - Kết nối tri thức; CD- Cảnh điều

02. Môn học lựa chọn

- Vật lý (CD)
- Hóa học (CD)
- CN Công (CD)
- Tin UD (KNTT)

03. Chuyên đề

- Hóa (CD)
- CN Công (CD)
- Tin UD (KNTT)

Nghĩa Hành, ngày 14 tháng 7 năm 2025
TRƯỞNG TRƯỞNG
THPT
NGUYỄN CÔNG PHƯƠNG
Nguyễn Xuân Vinh

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 12C2 NĂM HỌC 2024-2025

GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM: ĐẶNG QUANG VINH

STT	Họ và tên	Mã học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp năm học trước	Ghi chú
1	Lương Phạm Lan Anh	51200823	28/3/2008	Nữ	Kinh	11B2	
2	Đỗ Thanh Diệu	51200824	08/01/2008	Nam	Kinh	11B2	
3	Lương Hữu Duy	51200825	25/7/2008	Nam	Kinh	11B2	
4	Nguyễn Quốc Duy	51200826	04/4/2007	Nữ	Kinh	11B2	
5	Nguyễn Văn Duy	51200827	28/9/2008	Nam	Kinh	11B2	
6	Nguyễn Thị Thùy Duyên	51200828	06/01/2008	Nữ	Kinh	11B2	
7	Võ Văn Giáp	51200829	17/5/2008	Nam	Kinh	11B2	
8	Đoàn Sỹ Hải	51200830	19/4/2008	Nam	Kinh	11B2	
9	Trương Quang Anh Hào	51200831	03/10/2007	Nam	Kinh	11B2	
10	Cao Thị Thu Hiền	51200832	19/4/2008	Nữ	Kinh	11B2	
11	Lê Thị Mỹ Huyền	51200834	07/10/2008	Nữ	Kinh	11B2	
12	Trần Đoàn Minh Huyền	51200833	22/4/2008	Nữ	Kinh	11B2	
13	Nguyễn Thị Kim Hương	51200835	03/01/2008	Nữ	Kinh	11B2	
14	Phạm Anh Khải	51200836	03/9/2008	Nam	Kinh	11B2	
15	Nguyễn Thanh Lít	51200837	27/9/2008	Nam	Kinh	11B2	
16	Đoàn Thị Kim Loan	51200838	22/7/2008	Nữ	Kinh	11B2	
17	Nguyễn Hồng Nghĩa	51200839	24/02/2008	Nam	Kinh	11B2	
18	Võ Thị Quỳnh Nhân	51200840	14/3/2008	Nữ	Kinh	11B2	
19	Nguyễn Văn Nhất	51200841	22/5/2008	Nam	Kinh	11B2	
20	Huỳnh Ngọc Nhi	51200842	18/6/2008	Nữ	Kinh	11B2	
21	Huỳnh Trần Lệ Ni	51200843	08/5/2008	Nữ	Kinh	11B2	
22	Tô Tuấn Phát	51200844	08/7/2008	Nam	Kinh	11B2	
23	Phạm Nguyễn Văn Quân	51200845	10/4/2008	Nam	Kinh	11B2	
24	Lê Hồng Quyền	51200846	18/02/2008	Nam	Kinh	11B2	
25	Nguyễn Thị Hồng Thắm	51200847	27/5/2008	Nữ	Kinh	11B2	
26	Phạm Đức Thiện	51200849	02/11/2008	Nam	Kinh	11B2	
27	Đinh Quang Thích	51200848	20/02/2008	Nam	Kinh	11B2	
28	Nguyễn Văn Thuận	51200850	20/3/2008	Nam	Kinh	11B2	
29	Nguyễn Thị Thu Thủy	51200851	29/9/2008	Nữ	Kinh	11B2	
30	Lương Thị Thu Thù	51200852	12/8/2008	Nữ	Kinh	11B2	
31	Trần Nhật Tịnh	51200853	27/5/2008	Nam	Kinh	11B2	
32	Cao Thị Bảo Trâm	51200854	09/4/2008	Nữ	Kinh	11B2	
33	Bùi Nguyệt Trân	51200855	30/6/2007	Nữ	Kinh	11B2	
34	Lê Văn Triết	51200856	27/7/2008	Nữ	Kinh	11B2	
35	Võ Duy Trường	51200857	19/4/2008	Nam	Kinh	11B2	
36	Nguyễn Quang Vinh	51200859	16/7/2008	Nam	Kinh	11B2	
37	Phạm Vinh	51200860	24/5/2008	Nam	Kinh	11B2	
38	Nguyễn Thị Tường Vy	51200861	09/7/2008	Nữ	Kinh	11B2	

CHƯƠNG TRÌNH HỌC

01. Môn học bắt buộc
- Toán (KNTT)

- Ngữ văn (KNTT)

- Tiếng Anh (Global Success)

- Lịch sử (KNTT)

- Giáo dục Quốc phòng An Ninh (KNTT)

- Hoạt động Trải nghiệm, Hướng nghiệp (KNTT)

- GDTC: Bóng chuyền 12 (KNTT)

- Giáo dục Địa Phương (file pdf) - Không mua

* Giải thích: KNTT - Kết nối tri thức; CD- Cảnh điều

02. Môn học lựa chọn
- Vật lý (CD)

- Sinh (KNTT)

- Tin UD (KNTT)

- CN Công (CD)
03. Chuyên đề
- Sinh (KNTT)

- Tin UD (KNTT)

- CN Công (CD)

Ngày ban hành, ngày 1 tháng 7 năm 2025

THPT NGUYỄN CÔNG PHƯƠNG

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Xuân Vinh

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 12C3 NĂM HỌC 2024-2025

GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM: NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH

STT	Họ và tên	Mã học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp năm học trước	Ghi chú
1	Đinh Phạm Tuyết Băng	51200862	01/6/2008	Nữ	Kinh	11B3	
2	Trương Bùi Bích Diễm	51200863	27/02/2008	Nữ	Kinh	11B3	
3	Nguyễn Đăng Doanh	51200864	19/11/2008	Nam	Kinh	11B3	
4	Huỳnh Tấn Khánh Duy	51200865	08/9/2008	Nam	Kinh	11B3	
5	Nguyễn Khắc Đạt	51200866	09/9/2008	Nam	Kinh	11B3	
6	Lương Trung Hậu	51200867	22/9/2008	Nam	Kinh	11B3	
7	Nguyễn Ngọc Phước Hiếu	51200868	08/11/2008	Nam	Kinh	11B3	
8	Phạm Huỳnh Phi Hoàng	51200869	13/9/2008	Nữ	Kinh	11B3	
9	Đoàn Trần Nhật Huy	51200870	07/9/2008	Nam	Kinh	11B3	
10	Nguyễn Thị Hoàng Huyền	51200871	14/10/2008	Nữ	Kinh	11B3	
11	Phạm Ngọc Hưng	51200872	17/11/2008	Nữ	Kinh	11B3	
12	Huỳnh Ngọc Khải	51200873	21/7/2008	Nữ	Kinh	11B3	
13	Lê Hoàng Kiên	51200874	25/01/2008	Nữ	Kinh	11B3	
14	Hồ Thị Lân	51200875	25/4/2008	Nữ	Kinh	11B3	
15	Nguyễn Thị Mỹ Linh	51200876	02/9/2008	Nữ	Kinh	11B3	
16	Nguyễn Đình Lợi	51200877	18/3/2005	Nam	Kinh	11B3	K.T
17	Nguyễn Thị Tuyết Mai	51200878	02/8/2008	Nữ	Kinh	11B3	
18	Võ Trương Minh	51200879	04/3/2008	Nữ	Kinh	11B3	
19	Phạm Thị Mỹ Ngọc	51200880	15/7/2008	Nam	Kinh	11B3	
20	Huỳnh Phan Trung Nhân	51200881	25/11/2008	Nam	Kinh	11B3	
21	Nguyễn Thị Yến Nhi	51200882	30/01/2008	Nữ	Kinh	11B3	
22	Nguyễn Thị Yến Nhi	51200883	11/10/2008	Nữ	Kinh	11B3	
23	Văn Quang Phát	51200884	30/7/2008	Nam	Kinh	11B3	
24	Nguyễn Thị Hồng Phương	51200886	21/6/2008	Nữ	Kinh	11B3	
25	Hà Đức Tài	51200887	22/4/2008	Nam	Kinh	11B3	
26	Nguyễn Hoàng Ngọc Tâm	51200888	15/12/2007	Nữ	Kinh	11B3	
27	Nguyễn Ngọc Thế Thiên	51200889	19/11/2008	Nam	Kinh	11B3	
28	Phan Diệu Thoa	51200890	28/10/2008	Nữ	Kinh	11B3	
29	Đoàn Xuân Thùy	51200891	01/8/2008	Nam	Kinh	11B3	
30	Đỗ Thị Hạnh Trâm	51200892	15/10/2008	Nữ	Kinh	11B3	
31	Võ Ngọc Huyền Trâm	51200893	14/6/2008	Nữ	Kinh	11B3	
32	Bùi Thị Ngọc Trinh	51200894	03/10/2008	Nữ	Kinh	11B3	
33	Trần Đào Kim Trọng	51200895	04/11/2008	Nữ	Kinh	11B3	
34	Bùi Lai Thanh Tùng	51200896	08/01/2008	Nam	Kinh	11B3	
35	Trần Quốc Việt	51200897	25/01/2008	Nam	Kinh	11B3	
36	Trần Quốc Việt	51200898	24/3/2008	Nam	Kinh	11B3	
37	Bùi Tá Vũ	51200899	07/6/2008	Nam	Kinh	11B3	

CHƯƠNG TRÌNH HỌC

01. Môn học bắt buộc

- Toán (KNTT)
- Ngữ văn (KNTT)
- Tiếng Anh (Global Success)
- Lịch sử (KNTT)
- Giáo dục Quốc phòng An Ninh (KNTT)
- Hoạt động Trải nghiệm, Hướng nghiệp (KNTT)
- GDTC: Bóng chuyền 12 (KNTT)
- Giáo dục Địa Phương (file pdf) - Không mua

* Giải thích: KNTT - Kết nối tri thức; CD- Cánh diều

02. Môn học lựa chọn

- Vật lí (CD)
- Hóa học (CD)
- Địa (CD)
- GDKT-PL (KNTT)

03. Chuyên đề

- Toán (KNTT)
- Vật lí (CD)
- Hóa (CD)

Nguyễn Xuân Vinh

THPT NGUYỄN CÔNG PHƯƠNG

QUẢNG NGÃI

Ngày 31 tháng 7 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 12C4 NĂM HỌC 2024-2025
GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM: ĐOÀN THỊ BÍCH THỦY

STT	Họ và tên	Mã học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp năm học trước	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Hoàng Anh	51200900	25/02/2008	Nữ	Kinh	11B4	
2	Lê Huyền Diệu	51200901	26/3/2008	Nữ	Kinh	11B4	
3	Trịnh Minh Đạt	51200902	03/8/2008	Nam	Kinh	11B4	
4	Lê Trung Đình	51200904	16/01/2008	Nam	Kinh	11B4	
5	Lưu Thị Lệ Hân	51200905	25/9/2008	Nữ	Kinh	11B4	
6	Huỳnh Thị Hiếu	51200906	18/3/2008	Nữ	Kinh	11B4	
7	Nguyễn Tùng Trung Hiếu	51200907	12/01/2008	Nam	Kinh	11B4	
8	Nguyễn Thị Lệ Huyền	51200908	01/01/2008	Nữ	Kinh	11B4	
9	Trần Ngọc Kim Liên	51200909	15/10/2008	Nữ	Kinh	11B4	
10	Nguyễn Thị Cẩm Ly	51200910	19/10/2008	Nữ	Kinh	11B4	
11	Đoàn Minh Nghĩa	51200911	05/11/2007	Nam	Kinh	11B4	KT
12	Nguyễn Tấn Nhật	51200912	24/11/2008	Nam	Kinh	11B4	
13	Nguyễn Thị Yến Nhi	51200914	01/01/2008	Nữ	Kinh	11B4	
14	Tổng Thị Quỳnh Nhi	51200913	05/5/2008	Nữ	Kinh	11B4	
15	Nguyễn Nguyên Pháp	51200916	19/4/2008	Nam	Kinh	11B4	
16	Nguyễn Võ Như Quỳnh	51200917	12/4/2008	Nữ	Kinh	11B4	
17	Hồ Thị Thanh Thảo	51200918	14/11/2008	Nữ	Kinh	11B4	
18	Bạch Văn Thịnh	51200919	13/7/2008	Nam	Kinh	11B4	
19	Nguyễn Thị Mỹ Thuận	51200920	26/10/2008	Nữ	Kinh	11B4	
20	Huỳnh Thị Ngọc Thủy	51200921	07/3/2008	Nữ	Kinh	11B4	
21	Lê Nguyễn Anh Thư	51200922	06/7/2008	Nữ	Kinh	11B4	
22	Phạm Thị Minh Thư	51200923	01/11/2008	Nữ	Kinh	11B4	
23	Nguyễn Lê Nhật Thy	51200924	18/10/2008	Nữ	Kinh	11B4	
24	Nguyễn Thị Ngọc Thy	51200925	27/02/2008	Nữ	Kinh	11B4	
25	Nguyễn Thị Thùy Trang	51200926	12/8/2008	Nữ	Kinh	11B4	
26	Ngô Nguyễn Bảo Trân	51200927	28/02/2008	Nữ	Kinh	11B4	
27	Trương Văn Trọng	51200928	03/3/2008	Nam	Kinh	11B4	
28	Võ Văn Trường	51200929	03/4/2008	Nam	Kinh	11B4	
29	Chế Nguyễn Hoàng Uyên	51200931	13/5/2008	Nữ	Kinh	11B4	
30	Lê Cao Phương Uyên	51200930	25/11/2008	Nữ	Kinh	11B4	
31	Bùi Đình Vọng	51200932	17/9/2008	Nam	Kinh	11B4	
32	Hồ Ngọc Thảo Vy	51200933	14/6/2008	Nữ	Kinh	11B4	
33	Trần Thị Ngọc Vy	51200934	19/5/2008	Nữ	Kinh	11B4	
34	Lê Trần Như Ý	51200935	06/4/2008	Nữ	Kinh	11B4	

CHƯƠNG TRÌNH HỌC

01. Môn học bắt buộc

- Toán (KNTT)
 - Ngữ văn (KNTT)
 - Tiếng Anh (Global Success)
 - Lịch sử (KNTT)
 - Giáo dục Quốc phòng An Ninh (KNTT)
 - Hoạt động Trải nghiệm, Hướng nghiệp (KNTT)
 - GDTC: Bóng rổ 12 (KNTT)
 - Giáo dục Địa Phương (file pdf) - Không mua
- * Giải thích: KNTT - Kết nối tri thức; CD- Cảnh điều

02. Môn học lựa chọn

- Hóa học (CD)
- Sinh (KNTT)
- Địa (CD)
- CN Nông (KNTT)

03. Chuyên đề

- Hóa (CD)
- Sinh (KNTT)
- CN Nông (KNTT)

Nguyễn Xuân Vinh, ngày 11 tháng 7 năm 2025
TRƯỞNG
THPT
NGUYỄN CÔNG PHƯƠNG
Nguyễn Xuân Vinh

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 12C5 NĂM HỌC 2024-2025
GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM: PHAN THỊ THU KIỀU

STT	Họ và tên	Mã học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp năm học trước	Ghi chú
1	Nguyễn Hồ Phúc An	51200936	27/10/2007	Nữ	Kinh	11B5	
2	Nguyễn Tấn Kỳ Anh	51200937	02/01/2008	Nam	Kinh	11B5	
3	Trương Đỗ Huyền Châu	51200938	02/9/2008	Nữ	Kinh	11B5	
4	Lê Thị Thành Đoàn	51200939	01/3/2007	Nữ	Kinh	11B5	
5	Nguyễn Trần Hoàng Đức	51200940	03/5/2008	Nam	Kinh	11B5	
6	Phạm Thị Mỹ Hạnh	51200941	16/4/2008	Nữ	Kinh	11B5	
7	Nguyễn Tấn Huy	51200942	09/7/2008	Nam	Kinh	11B5	
8	Phạm Thành Huy	51200943	25/8/2008	Nam	Kinh	11B5	
9	Trần Quang Khải	51200944	19/12/2008	Nam	Kinh	11B5	
10	Nguyễn Văn Khoa	51200945	06/6/2008	Nam	Kinh	11B5	
11	Nguyễn Trung Kiên	51200946	02/10/2008	Nam	Kinh	11B5	
12	Lê Thị Linh	51200948	15/3/2008	Nữ	Kinh	11B5	
13	Lưu Hồ Huyền Linh	51200947	26/3/2008	Nữ	Kinh	11B5	
14	Nguyễn Thị Yến Loan	51200949	14/01/2008	Nữ	Kinh	11B5	
15	Nguyễn Thị Ánh Ly	51200950	29/10/2007	Nữ	Kinh	11B5	
16	Nguyễn Huỳnh Ly Na	51200951	24/02/2007	Nữ	Kinh	11B5	
17	Nguyễn Sinh Nhật	51200952	16/4/2008	Nữ	Kinh	11B5	
18	Võ Thị Yến Nhi	51200953	17/8/2008	Nữ	Kinh	11B5	
19	Trần Văn Nhựt	51200954	08/10/2008	Nam	Kinh	11B5	
20	Phan Trương Nhật Kiều Oanh	51200955	27/6/2008	Nữ	Kinh	11B5	
21	Phạm Phú Phong	51200956	03/12/2008	Nam	Kinh	11B5	
22	Lê Thị Diễm Phúc	51200957	10/02/2008	Nữ	Kinh	11B5	
23	Trần Vương Quốc	51200958	07/3/2008	Nam	Kinh	11B5	
24	Lương Thị Kim Quỳnh	51200959	24/11/2008	Nữ	Kinh	11B5	
25	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	51200960	21/10/2008	Nữ	Kinh	11B5	
26	Nguyễn Đức Lương Tân	51200961	13/4/2008	Nam	Kinh	11B5	
27	Phạm Nhật Tân	51200962	08/11/2008	Nữ	Kinh	11B5	
28	Nguyễn Tấn Thiện	51200963	02/10/2008	Nam	Kinh	11B5	
29	Phan Phạm Kim Thoa	51200964	17/10/2008	Nữ	Kinh	11B5	
30	Phạm Nguyễn Đoàn Trang	51200965	28/8/2008	Nữ	Kinh	11B5	
31	Phạm Thị Ngọc Tuyền	51200968	25/9/2008	Nữ	Kinh	11B5	
32	Trương Thị Tuyền	51200969	07/01/2008	Nữ	Kinh	11B5	
33	Lê Thị Cẩm Tú	51200967	08/4/2008	Nữ	Kinh	11B5	
34	Nguyễn Hoàng Phương Uyên	51200971	08/3/2008	Nữ	Kinh	11B5	
35	Nguyễn Thị Đào Uyên	51200970	05/8/2008	Nữ	Kinh	11B5	
36	Đinh Thị Ái Việt	51200972	14/9/2008	Nữ	Kinh	11B5	
37	Nguyễn Thị Quỳnh Vy	51200973	15/7/2008	Nữ	Kinh	11B5	
38	Trần Nguyễn Ý Vy	51200974	24/3/2008	Nữ	Kinh	11B5	
39	Lê Hoàng Kim Yến	51200975	22/4/2008	Nữ	Kinh	11B5	

CHƯƠNG TRÌNH HỌC

01. Môn học bắt buộc

- Toán (KNTT)
- Ngữ văn (KNTT)
- Tiếng Anh (Global Success)
- Lịch sử (KNTT)
- Giáo dục Quốc phòng An Ninh (KNTT)
- Hoạt động Trải nghiệm, Hướng nghiệp (KNTT)
- GDTC: Bóng rổ 12 (KNTT)
- Giáo dục Địa Phương (file pdf) - Không mua

* Giải thích: KNTT - Kết nối tri thức; CD- Cánh diều

02. Môn học lựa chọn

- Hóa học (CD)
- Địa (CD)
- GDKT-PL (KNTT)
- Tin UD (KNTT)

03. Chuyên đề

- Hóa (CD)
- Tin (KNTT)
- Toán (KNTT)

Ngày ban hành: ngày 21 tháng 7 năm 2025
TRƯỞNG THPT
NGUYỄN CÔNG PHƯƠNG
HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Xuân Vinh

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 12C6 NĂM HỌC 2024-2025
GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM: ĐOÀN THỊ PHI ĐÀO

STT	Họ và tên	Mã học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp năm học trước	Ghi chú
1	Đặng Thùy An	51200976	27/11/2008	Nữ	Kinh	11B6	
2	Võ Phạm Tấn Anh	51200977	26/7/2008	Nam	Kinh	11B6	
3	Đinh Lê Bảo	51200978	11/10/2008	Nam	Kinh	11B6	
4	Nguyễn Hữu Bắc	51200979	25/5/2008	Nam	Kinh	11B6	
5	Hồ Quang Bình	51200980	30/8/2008	Nam	Kinh	11B6	
6	Võ Thị Kiều Châu	51200981	14/5/2008	Nữ	Kinh	11B6	
7	Bùi Thị Thúy Chung	51200982	28/01/2008	Nữ	Kinh	11B6	
8	Cao Phạm Quốc Cường	51200983	24/5/2008	Nam	Kinh	11B6	
9	Cao Văn Quốc Cường	51200984	21/8/2008	Nam	Kinh	11B6	
10	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	51200985	11/7/2008	Nữ	Kinh	11B6	
11	Đàm Thị Thanh Dung	51200986	07/3/2008	Nữ	Kinh	11B6	
12	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	51200988	11/02/2008	Nữ	Kinh	11B6	
13	Đoàn Gia Đạt	51200989	22/9/2008	Nam	Kinh	11B6	
14	Nguyễn Lê Văn Đoàn	51200990	12/5/2007	Nam	Kinh	11B6	KT
15	Huỳnh Thế Hậu	51200991	16/02/2007	Nữ	Kinh	11B6	
16	Huỳnh Thái Hiền	51200992	30/6/2008	Nữ	Kinh	11B6	
17	Nguyễn Thu Hiền	51200993	08/6/2008	Nữ	Kinh	11B6	
18	Bùi Tấn Hiếu	51200994	11/11/2008	Nam	Kinh	11B6	
19	Hồ Trung Hiếu	51200996	14/7/2008	Nam	Kinh	11B6	
20	Lý Thanh Hiếu	51200995	12/6/2008	Nam	Kinh	11B6	
21	Đặng Gia Hòa	51200997	28/4/2008	Nam	Kinh	11B6	
22	Lê Thị Thu Hồng	51200998	09/7/2008	Nữ	Kinh	11B6	
23	Lê Trung Kiên	51200999	29/12/2008	Nam	Kinh	11B6	
24	Hồ Thị Thúy Nga	51201000	07/10/2008	Nữ	Kinh	11B6	KT
25	Lâm Tâm Như	51201001	28/10/2008	Nữ	Kinh	11B6	
26	Mai Thị Minh Phương	51201002	19/9/2008	Nữ	Kinh	11B6	
27	Trần Thị Thiện	51201003	18/9/2008	Nữ	Kinh	11B6	
28	Huỳnh Thị Lệ Thu	51201004	31/8/2008	Nữ	Kinh	11B6	
29	Nguyễn Thị Thu	51201005	19/10/2006	Nữ	Kinh	11B6	
30	Chế Văn Thương	51201006	18/5/2007	Nam	Kinh	11B6	
31	Nguyễn Trần Thanh Trà	51201007	21/5/2008	Nữ	Kinh	11B6	
32	Nguyễn Như Bảo Trâm	51201008	27/10/2008	Nữ	Kinh	11B6	
33	Huỳnh Ngọc Trung	51201009	27/3/2008	Nam	Kinh	11B6	
34	Lê Ngọc Ánh Tuyết	51201011	12/01/2008	Nữ	Kinh	11B6	
35	Đoàn Thị Cẩm Tú	51201010	02/9/2008	Nữ	Kinh	11B6	
36	Võ Nguyễn Nhã Uyên	51201012	25/6/2008	Nữ	Kinh	11B6	
37	Lê Thị Thúy Vy	51201014	11/5/2008	Nữ	Kinh	11B6	
38	Trịnh Lệ Vy	51201013	06/01/2008	Nữ	Kinh	11B6	
39	Trần Huỳnh Phi Yến	51201015	01/6/2008	Nữ	Kinh	11B6	

CHƯƠNG TRÌNH HỌC

01. Môn học bắt buộc

- Toán (KNTT)
- Ngữ văn (KNTT)
- Tiếng Anh (Global Success)
- Lịch sử (KNTT)
- Giáo dục Quốc phòng An Ninh (KNTT)
- Hoạt động Trải nghiệm, Hướng nghiệp (KNTT)
- GDTC: Bóng rổ 12 (KNTT)
- Giáo dục Địa Phương (file pdf) - Không mua
- * Giải thích: KNTT - Kết nối tri thức; CD- Cảnh điều

02. Môn học lựa chọn

- Địa (CD)
- GDKT-PL (KNTT)
- CN Nông (KNTT)
- Tin UD (KNTT)
- 03. Chuyên đề**
- CN Nông (KNTT)
- Tin UD (KNTT)
- Toán (KNTT)

Ngày Hành, ngày 24 tháng 7 năm 2025
HỌ TÊN: NGUYỄN XUÂN VINH
CHỨC VỤ: GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM
TRƯỜNG: THPT NGUYỄN CÔNG PHƯƠNG
QUẬN: QUẢNG NGÃI
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NGÃI